

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Ánh và Bà Lê Thị Thúy Vân.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại TAND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Mỹ H**, sinh năm 2002; nơi cư trú: **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Anh **Võ Minh H1**, sinh năm 1998; nơi cư trú: **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024; biên bản hoà giải ngày 27/3/2024, chị **Võ Thị Mỹ H** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **Võ Minh Hải** đã đăng k kết hôn vào ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Tuy nhiên, sau khi tổ chức đám cưới, hai vợ chồng không sống chung với nhau. Sau ngày cưới, chị **H** sống ở nhà ngoại còn anh **H1** ở nhà nội, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay gây gổ. Đến tháng 2/2024, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh **H1** không chịu cấp dưỡng và không thăm hỏi con cái. Chị **H** thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị **H** viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết cho chị **H** được ly hôn với ông **Võ Minh H1**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Võ Huy H2**, sinh ngày 30/01/2022. Nếu ly hôn chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H2** và yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 27/3/2024, anh **Võ Minh H1 trình bày:**

- Về tình cảm: Anh **Võ Minh H1** không muốn ly hôn với chị **Võ Thị Mỹ H**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Võ Huy H2**, sinh ngày 30/01/2022. Nếu ly hôn, anh **H1** có nguyện vọng giao cháu **H2** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H2** và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại xác minh ngày 28 tháng 3 năm 2024, ông **Võ H3 và bà **Đoàn Thị Kim C** (bố, mẹ của chị **Võ Thị Mỹ H**) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, anh **H1** và chị **H** sống chung với bố mẹ anh **H1**. Sau khi chị **H** sinh con được 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị **H** và con là cháu **Võ Huy H2** về sống ở nhà ông **H3**, bà **C** từ đó cho đến nay. Nay, chị **H** yêu cầu ly hôn với anh **H1** thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng anh **H1** và chị **H** có 01 con chung là cháu **Võ Huy H2**, sinh ngày 30/01/2022. Từ khi sinh ra cho đến nay thì cháu **H2** sinh sống với ông **H3**, bà **C**. Trong trường hợp, vợ chồng chị **H** và anh **H1** ly hôn thì ông **H3**, bà **C** đồng ý cho mẹ con chị **H** sinh sống cùng với ông, bà. * **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:** Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Võ Thị Mỹ H** được ly hôn với anh **Võ Minh H1**.

- Về con chung: Giao con chung là cháu **Võ Huy H2**, sinh ngày 30/01/2022 cho chị **Võ Thị Mỹ H** nuôi dưỡng. Anh **H1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Anh **Võ**

Minh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/12/2021 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Nay, chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H1 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 sống chung với bố mẹ anh H1 tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Từ tháng 02/2022, cho đến nay, chị H và con là cháu Võ Huy H2 về sống ở nhà ông H3, bà C. Từ khi chị H và cháu Võ Huy H2 sinh sống ở gia đình nhà ông H3, bà C thì anh H1 không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị H; anh H1 không muốn ly hôn nhưng không tìm được biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình, thể hiện sự bỏ mặc cuộc sống hôn nhân. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau nhưng tình trạng hôn nhân giữa chị Võ Thị Mỹ H và anh Võ Minh H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H để xem xét cho chị H được ly hôn đối với anh H1.

[3]. Về con chung: Chị H và anh H1 có con chung là cháu Võ Huy H2, sinh ngày 30/01/2022. Nếu ly hôn, chị H và anh H1 đều thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay, cháu Võ Huy H2 đều sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu H2 thì cần giao quyền nuôi con chung cho chị H và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh H1 mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 BLTTDS; các Điều 51,

khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Võ Thị Mỹ H**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Võ Thị Mỹ H** được ly hôn với anh **Võ Minh H1**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Võ Huy H2**, sinh ngày 30/01/2022 cho chị **Võ Thị Mỹ H** nuôi dưỡng. Anh **Võ Minh H1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Người không có nghĩa vụ nuôi con có quyền thăm non, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị **Võ Thị Mỹ H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000076 ngày 21/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (*chị H đã nộp đủ án phí*).

Anh **Võ Minh H1** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Chị **Võ Thị Mỹ H** và anh **Võ Minh H1** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Thuận;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hùng